

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1988 /QĐ-UBND

Chợ Mới, ngày 22 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
nông thôn mới xã Hội An, huyện Chợ Mới đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND tỉnh An Giang về việc chọn 28 xã điểm và 02 huyện điểm tập trung chỉ đạo và hỗ trợ đầu tư đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 446/TB-VPUBND ngày 15/11/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Anh Thư tại cuộc họp về thực hiện xã nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ Công văn số 3683/SXD-QLN&HTKT, ngày 26/11/2019 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc rà soát Tiêu chí 1 về Quy hoạch để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 1638/TB-SXD ngày 01/6/2021 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 2076/UBND-KT ngày 13/12/2019 của UBND huyện Chợ Mới về việc chủ trương thực hiện điều chỉnh quy hoạch xã nông thôn mới đến năm 2025 và lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Mới đến năm 2040;

Căn cứ Nghị Quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 07/7/2021 của Hội đồng nhân dân xã Hội An thông qua đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hội An, huyện Chợ Mới đến năm 2030;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Chợ Mới tại Tờ trình số 378/TTr-KTHT ngày 20/10/2021 về việc thẩm định đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hội An, huyện Chợ Mới đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hội An, huyện Chợ Mới đến năm 2030. Với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hội An, huyện Chợ Mới đến năm 2030 (Đồ án quy hoạch phát triển Hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã Hội An giai đoạn 2021-2030).

2. Tỷ lệ nghiên cứu: Tỷ lệ 1/10.000

3. Phạm vi và quy mô quy hoạch:

- Phạm vi, quy mô đất đai: Toàn bộ địa giới hành chính của xã Hội An với tổng diện tích tự nhiên 2.312,183 ha được giới hạn như sau:

- Phạm vi nghiên cứu: gồm toàn bộ địa phận hành chính hiện tại của xã Hội An, và được giới hạn như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp xã Sông Tiền;
- + Phía Đông giáp huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
- + Phía Tây Nam giáp xã Hòa An và xã Hòa Bình
- + Phía Tây Bắc giáp xã Mỹ An và xã An Thạnh Trung.

- Quy mô dân số: 17.971 người.

4. Mục tiêu

- Đánh giá thực trạng và rà soát việc thực hiện quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

- Đề xuất các giải pháp khắc phục các chỉ tiêu chưa đạt và hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Điều chỉnh việc sử dụng đất để tạo cơ sở pháp lý lập kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất một cách hợp lý tạo không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với sự phát triển của xã.

- Làm cơ sở cho việc thiết kế và xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của xã.

- Đề xuất phát triển hệ thống các điểm dân cư nông thôn tập trung. Đề xuất phân bố không gian phát triển nông nghiệp, xây dựng công nghiệp, dịch vụ, tổ chức phát triển giao thông nông thôn.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã.

5. Dự báo phát triển dân số:

- Năm 2025 dân số toàn độ thị khoảng 21.900 người.

- Năm 2030 dân số toàn độ thị khoảng 23.000 người.

- Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng: 23.000 người, tỷ lệ dân số tăng tự nhiên trung bình là 0,62% (năm 2016-2020); 0,80% (năm 2021-2025); 1% (2026-2030).

6. Chỉ tiêu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Hiện trạng		Quy hoạch đợt đầu			Quy hoạch dài hạn		
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ	Tăng giảm	Diện tích	Tỷ lệ	Tăng giảm
		(ha)	(%)	(ha)	(%)	(ha)	(ha)	(%)	(ha)
	Tổng	2312,183	100	2312,183	100	0	2312,183	100	0
I	Đất nông nghiệp	1789,34	77,39	1665,59	72,04	-123,75	1362,65	58,93	-426,69
1.1	Đất trồng lúa	862,72	37,31	800,35	34,61	-62,37	704,45	30,47	-158,27
1.2	Đất trồng cây khác	918,48	39,72	858,36	37,12	-60,12	653,32	28,26	-265,16
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	8,14	0,35	6,88	0,30	-1,26	4,88	0,21	-3,26
II	Đất xây dựng	351,103	15,18	480,09	20,76	128,99	676,773	29,27	325,67
2.1	Đất ở	250	10,81	267,22	11,56	17,22	348,49	15,07	98,49
2.2	Đất công cộng	6,45	0,28	10,17	0,44	3,72	11,37	0,49	4,92
2.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	0	-	15,09	0,65	15,09	44,58	1,93	44,58
2.4	Đất tôn giáo tín ngưỡng	3,46	0,15	3,46	0,15	0,00	6,07	0,26	2,61
2.5	Đất công nghiệp, TTCN, làng nghề	1,53	0,07	76,28	3,30	74,75	143,16	6,19	141,63
2.6	Đất xây dựng chức năng	0,12	0,005	0,12	0,01	0	3,16	0,14	3,04

	khác								
2.7	Đất quốc phòng an ninh	0,06	0,003	0,06	0,00	0	0,09	0,004	0,03
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	89,483	3,87	107,69	4,66	18,21	119,853	5,18	30,37
2.8.1	Đất giao thông	88,183	3,81	102,86	4,45	14,68	114,993	4,97	26,81
2.8.2	Đất nghĩa địa nghĩa trang	0,97	0,04	1,63	0,07	0,66	1,63	0,07	0,66
2.8.3	Đất xử lý chất thải rắn	0	-	2,87	0,12	2,87	2,87	0,12	2,87
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,33	0,01	0,33	0,01	0,00	0,36	0,02	0,03
III	Đất khác	171,74	7,43	166,50	7,20	-5,24	272,76	11,80	101,02
3.1	Đất mặt nước	171,74	7,43	166,50	7,20	-5,24	160,5	6,94	-11,24
3.2	Đất dự trữ phát triển	0	-	0	0	0	112,26	4,86	112,26

7. Tổ chức không gian tổng thể toàn xã:

7.1. Tổ chức hệ thống trung tâm xã:

Trung tâm đô thị có diện tích 35,25ha với giới hạn định hướng như sau:

- Phía Tây Bắc đến Khu Công nghiệp.
- Phía Đông Bắc nhánh Sông Tiền.
- Phía Đông Nam giáp kênh Cái Tàu Thượng.
- Phía Tây Nam đường cặp mương Hội Đồng.

Với chức năng hành chánh thương mại dịch vụ, y tế, giáo dục văn hóa, thể dục thể thao chính của đô thị, khu nhà ở công nhân và dịch vụ kèm theo cụ thể:

a) *Trung tâm hành chính xã:* Diện tích khoảng 0,4 ha tại ấp Thị 1.

- Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã: Giữ nguyên tại khu vực hiện hữu tại ấp Thị 1 khoảng 0.3ha nhằm đảm bảo tiêu chuẩn, tiêu chí quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Trụ sở Công an: Di dời về cạnh trụ sở UBND xã tại ấp Thị 1 với diện tích 0,1 ha theo quy chuẩn của ngành Công An.

- Ban Chỉ huy Quân sự xã: Giữ nguyên tại khu vực hiện hữu tại ấp An Khương.

- Các công trình trụ sở xây dựng với tầng cao từ 01 đến 02 tầng hình thức kiến trúc đảm bảo tính trang nghiêm phù hợp với chức năng hoạt động.

b) *Y tế:* Hiện tại xã đã có trạm y tế đạt chuẩn với quy mô 788m², tại ấp Thị 1. Định hướng: Giữ nguyên tại vị trí hiện hữu, tiếp tục nâng cấp, cải tạo mở rộng quy mô đất đai lên 2.436m².

c) *Thương mại dịch vụ:*

* Chợ xây dựng mới:

- Xây dựng mới Chợ nông sản tại ấp Thị 1, diện tích 15.634m².

- Xây dựng mới Chợ khu vực tiểu trung tâm tại ấp An Thái, diện tích khoảng 5.188m^2 .

* Công trình thương mại dịch vụ:

- Xây dựng mới điểm dân tại khu tiểu trung tâm ấp An Thái với tổng quy mô khoảng 29.080m^2 .

- Thương mại hỗn hợp: Diện tích $1,56\text{ha}$. (bố trí trên trục chính dẫn về Khu Công nghiệp).

- Thương mại dịch vụ hỗn hợp: Diện tích $1,34\text{ha}$. (bố trí cặp đường dẫn về Khu Công nghiệp và chợ chính trung tâm).

- Các công ty, doanh nghiệp phát triển tại chỗ chủ yếu trên đường tỉnh 942. Diện tích $1,2\text{ha}$.

d) Giáo dục:

* Trường mầm non: Hiện tại trên địa bàn xã Hội An có 04 điểm trường mầm non (tại các ấp Thị 1, ấp An Thuận, An Thái, An Bình) với tổng quy mô 6.822m^2 , chưa đạt chuẩn quốc gia, chưa đảm bảo diện tích theo tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng nông thôn. Đồng thời, với nhu cầu dân số tăng thêm đến năm 2030 diện tích đất xây dựng trường mầm non cần bổ sung thêm để đạt quy mô 13.800m^2 . Vì vậy xây dựng bổ sung thêm 2 điểm trường mới, và mở rộng 4 điểm trường cũ, cụ thể như sau:

- Các điểm trường mẫu giáo mở rộng:

+ Điểm ấp Thị 1: Giữ nguyên tại vị trí hiện hữu, diện tích $562,7\text{m}^2$.

+ Điểm ấp An Thuận: Giữ nguyên tại vị trí hiện hữu, diện tích $1.652,64\text{m}^2$.

+ Điểm ấp An Thái: Giữ nguyên tại vị trí hiện hữu, diện tích $4.303,25\text{m}^2$.

+ Điểm ấp An Bình: Giữ nguyên tại vị trí hiện hữu, diện tích $3.348,04\text{m}^2$.

- Các điểm trường mẫu giáo quy hoạch mới:

+ Điểm chính ấp Thị 1; Quy mô: Khoảng 3.495m^2 tại đất công do UBND xã quản lý. Tầng cao từ 01 đến 02 tầng.

* Trường tiểu học: Hiện hữu diện tích trường tiểu học khoảng 18.740m^2 vẫn đảm bảo nhu cầu đến năm 2030. Tuy nhiên, các trường tiểu học chưa đạt chuẩn quốc gia, cần được đầu tư nâng cấp chất lượng để đạt chuẩn quốc gia - đáp ứng tiêu chí nông thôn mới.

* Trường trung học cơ sở: Hiện tại trên địa bàn xã Hội An có 02 điểm trường trung học cơ sở (trường THCS Lê Hưng Nhượng và THCS Nguyễn Văn Ba), với tổng quy mô khoảng $9.597,46\text{m}^2$, chưa đạt chuẩn quốc gia, chưa đảm bảo diện tích theo tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng nông thôn. Đồng thời với nhu cầu dân số tăng thêm đến năm 2030 diện tích đất xây dựng trường

THCS cần bổ sung thêm để đạt quy mô 12.650 m². Vì vậy đề xuất mở rộng các điểm trường như sau:

- *Trường trung học cơ sở Lê Hưng Nhượng*: Giữ nguyên tại vị trí hiện hữu và lấy thêm diện tích từ trường trung học phổ thông Huỳnh Thị Hưởng cũ; Quy mô mở rộng diện tích lên 17.018,95m².

- *Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Ba*: Giữ nguyên vị trí tại tuyến dân cư rạch Cái Nai; Quy mô mở rộng diện tích lên 5.418,06m².

* *Trường trung học phổ thông*:

Xây dựng mới Trường THPT Huỳnh Thị Hưởng tại khu đất công được quy hoạch; Quy mô 13.500m². Tầng cao từ 01 đến 04 tầng.

đ) Văn hóa - Thể dục thể thao:

- Xây dựng mới Trung tâm Văn hóa - TDTT tại đất công do UBND xã quản lý. Diện tích 0,2ha.

- Khu Thể dục thể thao tập trung của đô thị bố trí về phía Tây trục đường cặp Mương Hội Đồng: Diện tích 3,54ha.

- Nhà sinh hoạt văn hóa các ấp: Hiện tại, các điểm sinh hoạt văn hóa tại các ấp đã xuống cấp, quy mô nhỏ không đảm bảo hoạt động. Định hướng mỗi một ấp được quy hoạch phát triển mới 01 nhà văn hóa với quy mô tối thiểu 300m².

- Sân thể thao các ấp: Hiện tại trên địa bàn các ấp chưa có sân thể thao, đề xuất mỗi ấp xây dựng mới 01 sân thể thao tại nhà sinh hoạt văn hóa các ấp với quy mô tối thiểu 500m².

7.2. Tổ chức khu dân cư mới và cải tạo:

a) Khu dân cư mới:

- Gồm nhà ở cải tạo xây chen, nhà phố thương mại dịch vụ và nhà có vườn đảm bảo đáp ứng mọi yêu cầu ăn, ở, làm việc, vui chơi giải trí chất lượng cao cho trung tâm.

- Phát triển các điểm dân cư tập trung tại các vị trí thuận lợi về giao thông, thuận lợi về đất xây dựng và tiếp cận với các dịch vụ, tiện ích công cộng, đảm bảo đầu tư kinh tế hạ tầng, hạn chế đền bù giải tỏa. Quy hoạch các điểm dân cư dưới hình thức nhà ở gắn với vườn sản xuất.

* Các khu dân cư mới:

- Khu dân ấp Thị 1, diện tích khoảng 101,83ha. Quy mô dân số khoảng 6.750 người.

- Khu dân ấp An Thái, diện tích khoảng 9,7ha. Quy mô dân số khoảng 650 người.

* Các tuyến dân cư mới:

- Tuyến dân cư đường tránh Quốc Lộ 80B, diện tích khoảng 14,82ha. Quy mô dân số khoảng 980 người. Tính chất: Hiện hữu mở rộng.

b) Các điểm dân cư, tuyến dân cư cũ cải tạo:

- Cải tạo khu dân cư hiện trạng, tăng mật độ xây dựng, cần tôn trọng nét đặc trưng nhà ở truyền thống nhưng phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo các tiêu chí nông thôn mới.

- Dựa vào hiện trạng tại khu vực lập quy hoạch chi tiết, định hướng quy hoạch trên cơ sở nâng cấp các công trình công cộng hiện có. Hệ thống giao thông được kết nối thuận tiện để tạo ra những không gian ở nối kết thuận tiện với các khu vực sản xuất.

- Tuyến dân cư đường tỉnh 942, diện tích khoảng 24,47ha. Quy mô dân số khoảng 1.600 người. Tính chất: Hiện hữu mở rộng.

- Tuyến dân cư đường huyện ĐH17 cũ, diện tích khoảng 92,91ha. Quy mô dân số khoảng 6.150 người. Tính chất: Hiện hữu mở rộng.

- Tuyến dân cư rạch La Kết, diện tích khoảng 18,26. Quy mô dân số khoảng 1.200 người. Tính chất: Hiện hữu mở rộng.

- Tuyến dân cư rạch Mương Sung, diện tích khoảng 15,64ha. Quy mô dân số khoảng 1.050 người. Tính chất: Hiện hữu mở rộng.

- Tuyến dân cư rạch Cái Nai, diện tích khoảng 54,89ha. Quy mô dân số khoảng 3650 người. Tính chất: Hiện hữu mở rộng.

- Tuyến dân cư rạch Cựu Hội, diện tích khoảng 15,04ha. Quy mô dân số khoảng 1.000 người. Tính chất: Hiện hữu mở rộng.

Ngoài ra các khu vực dân cư rải rác bám trên các tuyến đường giao thông và bám theo các thửa đất sản xuất, nằm ngoài các điểm dân cư tập trung và đất dự án dân cư với dân số khoảng 350 người.

7.3. Các khu chức năng:

a) Khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- Duy trì mô hình trồng trọt tập trung, tổ chức các khu vực đất nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, các khu vực trồng lúa không hiệu quả sang mở rộng phát triển đất trồng trọt các giống cây trồng cho năng suất và chất lượng cao.

- Di dời các cơ sở chăn nuôi hộ gia đình trong các điểm dân cư gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp theo quy hoạch ngành ra khỏi phạm vi điểm dân cư tập trung.

- Duy trì các mô hình ao hồ nuôi trồng thủy sản hiện hữu có hiệu quả, cần chú trọng lựa chọn con giống và nguồn thức ăn phù hợp.

- Nguồn nước cho sản xuất: Sử dụng nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm cho trồng trọt.

- Đường, điện cho sản xuất: Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông nội đồng vào và các tuyến đường lô; đầu tư điện các tuyến trung thế và hạ thế. Đặc biệt cần lưu ý đến việc đảm bảo nguồn điện cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

b) Khu sản xuất tập trung: Diện tích 100ha, đã được Thủ tướng công nhận vào quy hoạch Khu Công nghiệp quốc gia, đề xuất bổ sung thêm kho bãi logistics cấp đường ra bến cảng nhánh Sông Tiền 5,0ha.

- Khu đất dự phòng phát triển Khu Công nghiệp 50ha đến đường tránh QL80B qua đô thị Hội An.

- Xây dựng mới khu làng nghề sản xuất cây giống rau màu là nghề truyền thống của cộng đồng dân cư quy mô 13,42ha.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các ngành chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất phân bón, thu mua nông sản, xây dựng... để phục vụ công tác xây dựng tại địa phương.

- Các cơ sở sản xuất xay xát và hàng tiêu dùng ít độc hại được giữ lại sản xuất cấp kênh Cựu Hội và Cái Tàu Thượng, cấp đường tỉnh 942... nhưng phải đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất.

c) Khu nhà ở công nhân tái định cư: Đã được phê duyệt theo đồ án Khu Công nghiệp Hội An, diện tích 10,0ha, gồm đất ở công nhân tái định cư và đất dịch vụ nội khu (giáo dục, y tế, thương mại, cây xanh- TDDT,...).

7.4. Khu tiểu trung tâm: Bố trí trung tâm tiểu vùng phía Tây Nam giáp rạch Cái Nai và rạch Mương Sung khoảng 11ha, bao gồm:

- Đất ở mật độ cao (nhà liên kết): Diện tích 9,7ha.

- Chợ khu vực: Diện tích 0,3ha.

- Đất Văn hóa - Cây xanh - TDDT: Diện tích 1,2ha.

6.5. Đất xây dựng ngoài khu trung tâm:

a) Đất ở: Tổng diện tích 180,05ha, chủ yếu xây chen kết hợp bảo vệ môi trường, bao gồm các tuyến dân cư cấp trục đường như:

- Đường ĐT942.

- Đường tránh QL80B.

- Đường ĐH17 và ĐH17 mới.

- Đường xã cấp các rạch Cựu Hội (trục ngang).

- Đường xã cấp rạch Bà Cộc, Mười Dầu, La Kết, Mương Sung, Cái Nai.

- Các rạch nổi: Rạch Bà Tư, Xóm Rẫy.

b) Các công trình công cộng ngoài khu trung tâm đô thị, bao gồm:

- Giáo dục:

+ Trường tiểu học A (một điểm chính + một điểm phụ) cấp kênh Cự Hội, diện tích 0,79ha.

+ Trường tiểu học B (một điểm chính + một điểm phụ) cấp rạch Cái Nai, diện tích 0,58ha.

+ Trường tiểu học C (một điểm chính + hai điểm phụ) cấp ĐH17, diện tích 2,12ha.

+ Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Ba (bờ Đông rạch Cái Nai), diện tích 0,62ha.

+ Trường Mẫu giáo cấp kênh Cái Tàu Thượng và Mương Sung, diện tích 0,15ha.

+ Trường Mẫu giáo hai điểm cấp bờ Tây rạch Cái Nai, diện tích 0,6ha.

- Công trình tôn giáo, thờ tự:

+ Nhà thờ Hội An cấp ĐT942.

+ Thánh thất Cao Đài hai điểm (một điểm cấp kênh Cự Hội và một bờ Đông rạch Cái Nai).

+ Đình Hội An cấp ĐT942.

+ Chùa Phước Hội (Chùa Bà Lê) (ở khu trung tâm) đường dẫn về trung tâm thương mại.

+ Chùa An Phước cấp ĐH17.

+ Miếu Bà Chúa Xứ (rất nhỏ ở khu trung tâm).

+ Miếu thờ Phật Mẫu (gần Ngã ba kênh Cự Hội) cấp ĐT942.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Giao thông:

a) Hệ thống đường quốc lộ: Quốc lộ 80B: Đoạn qua xã có chiều dài khoảng 3,3km, định hướng quy hoạch cách đường ĐT 942 khoảng 1,4km về phía Tây. Được quy hoạch với lộ giới 55m, đạt tối thiểu cấp III, 2 làn xe.

b) Hệ thống đường tỉnh:

+ Đường tỉnh ĐT 942: Lộ giới quản lý 29m (với đoạn ngoài xã): bên phải là 13,5 mét, bên trái là 15,5 mét tính từ tim đường hiện hữu, quy hoạch đạt tối thiểu cấp IV, 2 làn xe. Đoạn qua xã có mật độ dân cư cao, lộ giới quản lý 19m (gồm lòng đường 9m, vỉa hè hai bên 2x5m).

+ Đường tỉnh ĐT 944: Lộ giới quản lý 32m (với đoạn ngoài xã): bên phải là 18,5 mét, bên trái là 13,5 mét tính từ tim đường hiện hữu, quy hoạch đạt tối thiểu cấp IV, 2 làn xe.

c) Hệ thống đường huyện:



- Đường huyện ĐH17 hiện hữu: Được quy hoạch với lộ giới 20m gồm: Lòng đường chính 7m, lề đường hai bên $2 \times 3 = 6\text{m}$, khoảng lùi xây dựng 2 bên $2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$.

- Đường huyện ĐH17 mới: Được quy hoạch gồm 2 đoạn:

+ Đoạn qua khu vực phát triển dân cư tập trung có lộ giới 20m gồm: Lòng đường chính 10m, vỉa hè hai bên $2 \times 5 = 10\text{m}$.

+ Đoạn còn lại có lộ giới 29m gồm: Lòng đường chính 7m, lề đường hai bên $2 \times 1 = 2\text{m}$, khoảng lùi xây dựng 2 bên $2 \times 10\text{m} = 20\text{m}$.

- Đường huyện ĐH17B: Được quy hoạch với lộ giới 29m gồm: Lòng đường chính 7m, lề đường hai bên $2 \times 1 = 2\text{m}$, khoảng lùi xây dựng 2 bên $2 \times 10\text{m} = 20\text{m}$.

d) Hệ thống đường xã:

Gồm các tuyến hai bên rạch La Kết, hai bên rạch Thống Nhất, hai bên rạch Muong Sung, hai bên rạch Cái Nai với lộ giới quy hoạch 9m (gồm lòng đường 5m, vỉa hè phía giáp rạch 1m, vỉa hè phía giáp dân cư 3m).

đ) Đường trong khu dân cư (ngõ, hẻm ...): Để đảm bảo lưu thông thuận tiện cũng như việc bố trí hạ tầng kỹ thuật thì các tuyến đường này cần phải đảm bảo một khoảng rộng nhất định, quy định Theo tiêu chuẩn TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế gồm các Quy định về chiều rộng tối thiểu của mặt đường, lề đường, chiều rộng nền đường đối với các cấp đường GTNT theo bảng sau:

Cấp kỹ thuật của đường	Tốc độ thiết kế, Km/h	Chiều rộng nền (m)	Chiều rộng mặt (m)	Chiều rộng lề (m)
A	30	6,5	3,5	1,50
B	20	5,0	3,5	0,75
C	15	4,0	3,0	-
D	-	2,0	1,5	-

- Về việc quy hoạch giao thông đối với các tuyến đường quy hoạch để phát triển kinh tế - xã hội. Căn cứ theo bản trên và hiện trạng thực tế giao thông tại xã áp dụng 02 cấp A và B cho phù hợp. Hoặc lớn hơn cấp A hoặc:

+ Đối với các tuyến có bề rộng $\geq 8\text{m}$, giữ nguyên hiện trạng.

+ Đối với các tuyến có bề rộng $< 8\text{m}$ tùy điều kiện thực tế sẽ được quy hoạch mở rộng thành 8m. Các hộ dân dọc 2 bên đường khi xây dựng nhà mới phải lùi vào sao cho lộ giới 8m. Trong đó bề rộng phần xe chạy là 5m, lề mỗi bên 1,5m dùng để bố trí các đường ống kỹ thuật phục vụ khu dân cư.

e) Công trình cầu:

- Các công trình cầu trên địa bàn xã được xây mới có kết cấu bê tông cốt thép hoặc bê tông dự ứng lực.

- Tất cả các cầu xây mới trên địa bàn xã được xây dựng với tải trọng tối thiểu 0,5HL93.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

a) San nền:

- Chọn cao trình san lấp Khu trung tâm : +3,50m.
- Khu công nghiệp : + 3,50m.
- Khu vực nông thôn từ đường tránh QL80B về hạ lưu cao trình san lấp: +3,00m đến +3,20m.

b) Thoát nước mưa:

- Căn cứ vào đặc điểm địa hình tự nhiên của xã với hệ thống kênh rạch thuận lợi cho việc tiêu thoát nước. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo hướng chia nhỏ lưu vực để tiêu thoát nước nhanh nhất.

- Các giải pháp thoát nước trên địa bàn xã Hội An:

+ Xây dựng hệ thống mương thoát nước dọc theo các trục đường giao thông chính của xã. Đối với các khu vực đông dân cư để đảm bảo an toàn nên xây dựng hệ thống mương có nắp đan, khẩu độ mương được tính toán căn cứ vào lưu vực, điều kiện thủy văn,...

+ Đối với các tuyến mương hiện hữu trên địa bàn xã cần được duy tu, nạo vét thường xuyên tránh ứ đọng rác,... nâng cấp các tuyến mương đã xuống cấp.

+ Quy hoạch các mảng xanh, công viên và một số tuyến đường đi qua khu dân cư tạo điều kiện để bố trí các tuyến cống, mương thoát nước với khẩu độ lớn giảm thiểu ngập lụt cục bộ.

+ Tăng cường nạo vét, cải tạo tuyến kênh rạch, gia cố bờ rạch, suối tại các vị trí dễ sạt lở bằng kè bê tông hoặc xây đá, trồng cỏ ... Quản lý hoạt động xây dựng không lấn chiếm lòng kênh, rạch.

+ Hạn chế sử dụng các vật liệu phủ bề mặt không thấm nước để tăng cường khả năng thấm, giảm lưu lượng dòng chảy trên bề mặt.

- Giải pháp xây dựng hệ thống thoát nước trên các trục giao thông chính:

+ Trên tuyến ĐT 942 cần cải tạo nâng cấp hệ thống mương dọc 2 bên đường đạt khẩu độ mương tối thiểu B800.

+ Đối với các tuyến đường còn lại trong xã xây dựng hệ thống mương 2 bên đường với khẩu độ tối thiểu B400.

+ Đối với các khu vực dân cư tập trung cần xây dựng hệ thống mương - nắp đan để đảm bảo an toàn.

c) Cấp nước:

* Nguồn cấp nước:

- Tiếp tục sử dụng hệ thống mạng lưới cấp nước hiện có và nâng cấp đủ công suất cấp nước sinh hoạt cho toàn xã.

* Nhu cầu dùng nước:

- Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt đến năm 2030: 90 lít/người-ngđ với 95% dân số.

- Nước công nghiệp: 22m³/ha.ngđ (tính với 60% diện tích).

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn xã đến năm 2030: 4.500 m³/ngày

* Giải pháp cấp nước sinh hoạt:

- Đến năm 2030, nâng công suất Trạm cấp nước lên 4.500 m³/ngày.

- Xây dựng phát triển mới hệ thống đường ống truyền tải cấp I, II từ nhà máy nước tập trung đi trên các tuyến đường chính tạo thành một hệ thống mạch vòng chính đảm bảo cấp nước liên tục cho toàn xã.

* Giải pháp cấp nước sản xuất nông nghiệp:

- Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Đầu tư nâng cấp xây dựng mới các công trình thủy lợi trên địa bàn xã nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

d) Cấp điện:

* Nhu cầu phụ tải

- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt dân cư nông thôn căn cứ Quy chuẩn 01:2019 là 330W/người

- Nhu cầu cấp điện cho công trình công cộng trong các điểm dân cư nông thôn lấy =20% nhu cầu điện sinh hoạt.

- Đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (trạm biến áp khách hàng) trên địa bàn không được tính đến trong đồ án quy hoạch này do mỗi cơ sở có nhu cầu về công suất riêng, không dự tính trước được. Vì vậy, việc cấp đường dây cho các trạm khách hàng sẽ do khách hàng liên hệ với điện lực địa phương để được hướng dẫn đầu tư.

- Tổng nhu cầu điện sinh hoạt của xã Hội An: 9.287 KVA.

* Nguồn điện: Điện lưới Quốc gia cung cấp bởi trạm biến áp 110/22KV Thanh Hưng và trạm Chợ Mới, với đường dây 110KV cắt qua đô thị phía Tây Nam rạch Mương Sung, tương lai sẽ bố trí trạm 110/22KV tại Ngã ba đường Huyện 17 dự kiến và đường Huyện 17B. Từ trạm này các tuyến trung thế cấp cho Khu công nghiệp, khu trung tâm và các tuyến dân cư theo lộ cặp các rạch.

* Giải pháp xây dựng trạm biến áp:

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối là 22/0,4kV.

- Trong trung tâm xã các trạm sinh hoạt nên dùng trạm tập trung đặt trên trụ điện, có dung lượng lớn từ 400KVA trở lên.

- Khu vực nông thôn sử dụng trạm có dung lượng nhỏ từ 50KVA – 250KVA, đặt trên trụ điện.

* Giải pháp xây dựng lưới hạ thế:

- Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.

- Dây dẫn là loại cáp nhôm vện xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không.

- Bán kính cấp điện của trạm hạ thế cho khu trung tâm xã từ 300m - 500m và ở các khu dân cư tập trung từ 500m - 800m.

* Hành lang bảo vệ lưới cao thế:

Đối với các tuyến điện cao thế đi qua địa bàn xã thì hành lang an toàn lưới điện cao thế phải tuyệt đối tuân theo nghị định 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 và các qui định hiện hành của ngành điện.

Khoảng cách ly an toàn đối với đường dây ngoài cùng là 6m.

e) Thông tin liên lạc:

Hệ thống thông tin hữu tuyến cung cấp hệ thống cáp quang từ một nguồn chính từ tổng đài Bưu điện xã Hội An theo tuyến cáp thông tin liên lạc đi dọc các trục đường giao thông.

- Tổng nhu cầu thông tin toàn xã Hội An đến năm 2025 là 5.256 máy.

- Tổng nhu cầu thông tin toàn xã Hội An đến năm 2030 là 5.520 máy.

* Quy hoạch mạng lưới:

- Mạng cung cấp theo yêu cầu sử dụng, bố trí mạng đi ngầm kết hợp đi nổi trên trụ điện và trụ bù dọc theo các tuyến đường cung cấp cho toàn đô thị.

- Điện thoại 4G, 5G dần thay thế mạng hữu tuyến.

g) Thoát nước thải – vệ sinh môi trường và nghĩa trang:

* Thoát nước thải:

- Tiêu chuẩn thoát nước cho điểm dân cư nông thôn đến năm 2030 lấy bằng 80% chỉ tiêu cấp nước: 70 lít/người/ngày.

- Nước thải công nghiệp: 18 m³/ha.ngđ (tính với 60% diện tích).

- Tổng lưu lượng thoát nước thải toàn xã: 3.198,0m/ngày.

- Nước thải tại Khu trung tâm xã và dọc tuyến ĐT942 thu gom về trạm xử lý tại ấp An Ninh để xử lý trước khi xả ra môi trường. Các khu vực dân cư phân tán cần tận dụng ao hồ, kênh, rạch, mương để thoát nước và làm sạch nước thải tự nhiên, cho phép sử dụng hệ thống thoát nước mưa để thoát nước thải đã xử lý qua bể tự hoại. Nước thải Khu công nghiệp được xử lý riêng tại Trạm xử lý được bố trí trong Khu công nghiệp.

- Các khu chăn nuôi tập trung bắt buộc phải xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ đúng quy chuẩn, nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn quy định mới cho chảy ra môi trường.

- Vận động 100% các hộ dân xây dựng nhà vệ sinh có bể tự hoại đúng quy định. Tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân có ý thức cao về bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống.

* Giải pháp xử lý chất thải rắn:

- Chỉ tiêu về thu gom rác thải: 0,9 kg/người/ngày. Tổng lượng rác thải phát sinh giai đoạn 2030 khoảng: 20,7 tấn/ngày. Rác thải được Xí nghiệp Môi trường đô thị chi nhánh Chợ Mới tổ chức thu gom trên các tuyến đường trục chính liên xã, liên ấp và đưa về bãi rác tạm tại ấp An Thới rồi đưa về nhà máy xử lý rác tập trung của huyện để xử lý.

- Các hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas xử lý chất thải chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh môi trường.

* Nghĩa trang:

- Xây dựng 01 khu nghĩa địa tập trung khoảng 0,67 ha cặp rạch La Kết tại ấp An Khương.

- Đối với các nghĩa trang nhỏ lẻ tạm thời sử dụng, khống chế về quy mô. Sau khi đóng cửa cải tạo theo quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

Bảng: Phân vùng chức năng và giải pháp quy hoạch môi trường:

Các phân vùng	Giải pháp
Khu vực kiểm soát ô nhiễm do phát triển công nghiệp (Ấp Thị 1 và một phần Ấp An Ninh)	- Đặc thù công nghiệp của Hội An phát triển theo hướng Thương mại - Dịch vụ kết hợp với công nghiệp, kho bãi, tiểu thủ công nghiệp, chế biến hàng hóa nông sản chất lượng cao nên các giải pháp về quy hoạch gồm có: - Hướng đến mô hình công nghiệp xanh, kết hợp trồng cây xanh cách ly - Thu gom và xử lý hiệu quả chất thải rắn - Kiểm soát vấn đề sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật và các loại vỏ, bao bì, chai lọ của chứa thuốc Bảo vệ thực vật
Khu vực kiểm soát ô nhiễm do phát triển trung tâm xã (Ấp Thị 1)	- Kiểm soát lượng phân bón và thuốc Bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - Thu gom và xử lý bao bì thuốc Bảo vệ thực vật - Ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao
Khu vực kiểm soát ô nhiễm đất, nước trong	- Mức độ tác động đến địa hình, cảnh quan khi xây dựng hệ thống giao thông, thoát nước, cấp nước, cấp điện, cây

Các phân vùng	Giải pháp
sản xuất nông nghiệp	xanh, mặt nước tập trung. - Đánh giá khả năng chịu tải môi trường nước trong khu vực.
Khu vực hạn chế rủi ro sạt lở ven sông Tiền (đoạn sông Tiền đi qua Ấp Thị 1, Ấp Thị 2)	- Gia cố lại các đoạn sạt lở ven sông - Phục hồi không gian tự nhiên, kè bờ sông - Kiểm soát phát triển, hạn chế xây dựng - Kiểm soát việc lấn chiếm bờ sông, khai thác nước ngầm

Giải pháp giảm thiểu và khắc phục các tác động:

- *Giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước và bảo vệ môi trường nước:*

+ Đối với khu, cụm dân cư không kết nối được với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung sẽ xây dựng bể tự hoại.

+ Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, xây dựng bằng gạch. Bể được chia thành 2 hoặc 3 ngăn. Do phần lớn căn lảng tập trung trong ngăn thứ nhất nên dung tích ngăn này chiếm 50 đến 75% dung tích bể.

Các ngăn thứ hai hoặc thứ ba của bể có dung tích bằng 25% đến 35% dung tích toàn bể. Bể thường sâu 1,5 đến 3,0m, chiều sâu lớp nước trong bể tự hoại không bé hơn 0,75m và không lớn hơn 1,8m, chiều rộng của bể tối thiểu là 0,9m và chiều dài tối thiểu là 1,5m. Thể tích bể tự hoại không nhỏ hơn 2,8m³ trong đó thể tích phần lảng không nhỏ hơn 2,0m³.

- *Giải pháp bảo vệ môi trường không khí:*

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí trong xã cần quy hoạch và thực hiện các giải pháp đồng bộ như sau:

+ Xây dựng không gian xanh cách ly các nguồn gây ô nhiễm không khí như: điểm trung chuyển và khu xử lý chất thải rắn, cây xanh ven các tuyến giao thông chính trên địa bàn và cây xanh trong khuôn viên các công trình công cộng như: TTYT, trường học cần yên tĩnh.

+ Sử dụng các nguồn năng lượng sạch: gas, điện trong đun nấu, sinh hoạt nhằm giảm thiểu phát sinh chất độc hại từ việc sử dụng năng lượng hóa thạch.

- *Giải pháp quy hoạch hệ thống quản lý và xử lý chất thải rắn:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt tại các khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ được phân loại tại nguồn trước khi vận chuyển đến khu xử lý CTR tại thị trấn Mỹ Lương.

+ Ngoài ra, tùy từng khu chức năng như các cơ sở y tế có phát sinh chất thải nguy hại cần phân loại và xử lý theo luật bảo vệ môi trường (điều 24, 25) và Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải nguy hại.

- *Giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học:*

- + Xây dựng mô hình quản lý tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học.
- + Quy hoạch xây dựng công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải quan tâm đến hệ sinh thái.
- + Quy hoạch và xác định vùng đệm bảo tồn đa dạng sinh học, hạn chế rủi ro môi trường do thiên tai, lũ quét.

- *Giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro môi trường:*

- + Đánh giá rủi ro và khả năng thích ứng do biến đổi khí hậu tại các công trình xây dựng gần kênh, rạch, khu vực chịu tác động mưa lũ, sạt lở bờ sông.
- + Xác định các giải pháp thích ứng BĐKH đối với mỗi khu chức năng; Đánh giá hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường của các giải pháp đã được xác định.
- + Đề xuất, xây dựng và triển khai các dự án nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu đối với mỗi công trình, các khu vực nhạy cảm và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

- *Phòng chống tai biến môi trường:*

- + Bên cạnh xây dựng các công trình kỹ thuật, cơ sở hạ tầng như xây bờ kè ven khu vực có độ dốc lớn, khả năng sạt lở cao, xây dựng kênh mương để kiểm soát lũ lụt...để phòng tránh, giảm thiệt hại do thiên tai, thảm họa gây ra.
- + Tăng cường bảo vệ hệ sinh thái, giúp giảm nhẹ thiệt hại, nâng cao khả năng ứng phó với BĐKH cần được chú trọng triển khai, áp dụng.

10. Phân đợt xây dựng và các dự án ưu tiên đầu tư:

Bảng lộ trình thực hiện quy hoạch, dự án ưu tiên của xã Hội An

Stt	Các công trình, dự án	Quy mô	Nguồn vốn	Kế hoạch	
				2021-2025	2025-2030
1	Giao thông				
	Tuyến ĐH 942	3km	NSNN	x	
	Tuyến ĐH17 cũ	9,17km	NSNN		x
	Tuyến QL80B	3,3km	NSNN+DN		x
	Đường huyện 17 mới	4,1km	NSNN+DN		x
	Đường huyện 17B	4km	NSNN+DN		x
	Đường D10	2,2km	NSNN+DN		x
2	Trụ sở - Cơ quan				
	Khu hành chính xã	2.399 m ²	NSNN	x	

3	Công trình văn hóa, sân thể thao				
	Nhà văn hóa xã	$\geq 2.000m^2$	NSNN	x	
	Nhà văn hóa các ấp	$\geq 300m^2/\text{ấp}$	NSNN	x	
	Sân Thể thao các ấp	$\geq 500m^2/\text{ấp}$	NSNN+DN		x
5	Trường học				
	Mở rộng các trường: Mẫu giáo, tiểu học, THCS	6,03ha	NSNN	x	
	Xây dựng mới trường THPT	1,35ha	NSNN	x	

- Với nguồn vốn ngân sách ngày càng giảm nên cần phải có các giải pháp cụ thể để huy động nguồn lực từ tư nhân, chính quyền chỉ nên đầu tư các công trình công ích, các công trình khác nên huy động nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư theo các chính sách thông thoáng nhiều ưu đãi.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của UBND huyện Chợ Mới về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch hạ tầng kinh thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa, Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ xã Hội An giai đoạn 2011-2020.

Điều 3. Ban hành kèm theo quyết định này là bản Quy định quản lý theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hội An, huyện Chợ Mới đến năm 2030.

Điều 4. Giao cho Ủy ban nhân dân xã Hội An:

1. Tổ chức công bố Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hội An, huyện Chợ Mới đến năm 2030, để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Chỉ đạo việc thực hiện Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hội An, huyện Chợ Mới đến năm 2030. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành thực hiện theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND xã Hội An, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- LĐ UBND
- LĐVP;
- UBND xã Hội An;
- Lưu: VT, P. KT-HT.



K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Lộc

